TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 456/2024/DS-PT
Ngày: 23/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 328/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế" do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8900/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn MS1, xã TP, huyện VT, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Hữu L- Văn phòng Luật sư Phạm Hữu Lâm và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; Địa chỉ: Số 371 THĐ, phường THĐ, thành phố TB, tỉnh Thái Bình; có mặt.

*** Bị đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 115 An Lạc 3, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Ngô Thị Thu H8; địa chỉ: 124/239 LL, NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Thị Thúy H1- Công ty Luật TNHH HNT- LAW GROUP thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà

Nội; địa chỉ: Số 16/322 XP, quận NTL, thành phố Hà Nội. ĐT: 0983.187.842; có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị G, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Thôn TT, xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị B3, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn TC, thành phố CC, tỉnh QĐ, Trung Quốc; vắng mặt.

3. Ông Hoàng Đức V, sinh năm 1973 và bà Quản Thị H4, sinh năm 1977; Đều cư trú: Thôn TT, xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

4. Cụ Trương Thị H5, sinh năm 1929; Chỗ ở hiện nay: Số 774 đường TĐT, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số 774 TĐT, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Ông Phạm Văn T4, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ 8 Thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

7. Ông Phạm Xuân Đg, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tiểu khu 30/4 Thị xã CS, huyện MC, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

8. Bà Phạm Thị N3, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn PTN, xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

9. Bà Phạm Thị H5, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn ĐĐ xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

10. Chị Trần Thị Ngọc L5, sinh năm 1992; vắng mặt.

11. Anh Trần Hồng Q, sinh năm 1997; có mặt.

Đều ở địa chỉ: Số 115 An Lạc 3, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, cụ H5, ông T3, ông T4, ông Đg, bà N3, bà H5, chị L5, anh Q: Chị Ngô Thị Thu H8, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 124/239 Lê Lợi, phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai bổ sung, quá trình tố tụng, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tạ Quang M trình bày:

Bố mẹ đẻ của bà Phạm Thị T là cụ Phạm Văn B7, (chết năm 1998) và cụ Trương Thị Nh2 (chết năm 1997), hai cụ không có con trai, không có con riêng, không có con nuôi, có 4 người con chung là bà Phạm Thị G, bà Phạm Thị Ng4, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị B3. Do hai cụ không có con trai nên đã nhận nuôi cháu ngoại là anh Hoàng Đức V (là con đẻ của bà G) từ lúc anh V hơn 1 tuổi.

Anh V đã ở cùng hai cụ, lấy vợ là chị Quản Thị H4 và sinh sống trên thửa đất ở ngay cạnh thửa đất ao đang tranh chấp. Cụ B7 và cụ Nh2 chết không để lại di chúc. Di sản của hai cụ là quyền sử dụng đất hợp pháp thửa đất số 82, tờ bản đồ số 01, bản đồ 241, diện tích 280m^2 đất ao (thể hiện tại sổ mục kê) đo đạc năm 1998, địa chỉ xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình và 01 thửa đất ở. Thửa đất ở, vợ cHg7 anh V chị H8 đang quản lý bà không yêu cầu chia thừa kế. Thửa đất số 82 là đất ao hai cụ đã tặng cho anh V nhưng bà và anh V không còn lưu giữ giấy tờ tặng cho. Thửa đất ao này chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ. Nguồn gốc thửa đất ao được thể hiện: Theo sổ mục kê năm 1998 thì thửa đất số 82 diện tích 280m^2 loại đất ao mang tên cụ B7. Tuy nhiên, năm 2000 đến năm 2002 sau khi dồn điền đổi thửa thì diện tích đất ao được chia đôi cho gia đình anh Trần Văn Th7 và chị Phạm Thị H là 140m^2, gia đình bà còn lại 140m^2 nên dẫn đến tranh chấp đất ao giữa 2 gia đình. Sự việc đã được UBND xã PT hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị em bà khẳng định các bà được toàn quyền sử dụng 280m^2 đất ao. Bà nhất trí với kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 6/7/2023 xác định thửa đất số 82, tờ bản đồ số 01, diện tích là 146.7m^2/thửa 179 + 129.1m^2/ thửa 131. Tổng diện tích ao là 276,8m^2 đồng thời bà xác định chị H anh Th7 đã lấn chiếm của hai cụ B7, cụ Nh2 129,1m^2 đất ao.

Vì vậy, bà yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc chị H trả lại cho gia đình bà diện tích đất ao lấn chiếm là 129,1m^2 có vị trí từ giữa thửa đất 82, tờ bản đồ số 01, bản đồ 241 kéo dài đến hết thửa đất về hướng Tây Nam.

2. Trong trường hợp gia đình bà có quyền sử dụng đất tại thửa đất 82 tờ bản đồ số 01, bản đồ 241, diện tích 280m^2 đất ao, địa chỉ tại xã PT, huyện VT, tỉnh T B7, bà đề nghị Tòa án chia thừa kế của hai cụ B7, cụ Nh2 theo pháp luật và chia bằng hiện vật.

Nguyên đơn - bà Phạm Thị T nhất trí với lời trình bày của ông Minh nên không bổ sung thêm ý kiến gì.

Bị đơn là chị Phạm Thị H và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là chị Lê Thị Thúy H1 trình bày:

Khoảng năm 1948, ông bà nội chị H là cụ Phạm Văn Ph và cụ Trương Thị H5 có mua của cụ Phạm Văn Th8 nhà, sân, vườn là phần diện tích 456m^2 thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 01 thuộc thôn TT, xã PT, huyện T Thụy, tỉnh Thái Bình.

Thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, kiểm kê đất đai và đăng ký quyền sử dụng đất thì tách ra. Hộ gia đình cá nhân đăng ký quyền sử dụng đất ở và đất vườn liền kề đất ở, Tập thể hợp

tác xã nông nghiệp đăng ký đất ruộng, đất ao và đất vườn. Do đó hồ sơ địa chính tại xã PT thể hiện người sử dụng thửa đất số 288, tờ bản đồ số 01, diện tích 295m^2 đất ao là Hợp tác xã nhưng trên thực tế gia đình chị H mới là người trực tiếp quản lý, sử dụng.

Khoảng trước năm 1986, sau khi cụ Ph mất, cụ H5 lên ở với con trai út tại Sơn La nên có giao toàn bộ nhà cửa, sân vườn, ao cho bố mẹ chị H là ông Phạm Văn T3 và bà Quản Thị T9 quản lý, sử dụng.

Thực hiện Quyết định số 86/QĐ-UB ngày 13/3/1986 về điều chỉnh đất 5% kinh tế phụ gia đình của UBND tỉnh Thái Bình, mẹ chị H đã chuyển đổi ruộng về sử dụng đất ao, còn lại đất ao để cho gia đình cụ Phạm Văn B7 (bố của bà Phạm Thị T - nguyên đơn) chuyển đổi ruộng dẫn đến hai gia đình chung nhau sử dụng diện tích ao có tranh chấp từ thời điểm đó.

Đầu năm 1997, do bố chị H đang công tác tại thành phố Hải Phòng nên cả gia đình chị H ra thăm bố, mẹ chị H có nhờ bà Phan Thị B8 trông coi nhà cửa, ao vườn. Cùng thời điểm đó, địa phương có tổ chức đo đạc khảo sát lại hiện trạng sử dụng đất của người dân để lập Bản đồ 241, bao gồm cả việc đo đạc diện tích ao đang có tranh chấp, việc này bà B8 có chứng kiến. Tuy nhiên khi đo đạc xong cán bộ đo đạc không đưa bà B8 ký xác nhận và cũng không thông báo với gia đình chị H. Có thể vì thế nên Bản đồ 241 và hồ sơ địa chính tại thời điểm năm 1997 thể hiện người sử dụng toàn bộ đất ao đang có tranh chấp là cụ Phạm Văn B7 mà không có tên gia đình chị H, việc này gia đình chị H cũng hoàn toàn không hay biết vì trên thực tế gia đình chị H vẫn tiếp tục sử dụng diện tích đất ao cho đến năm 2022 khi xảy ra tranh chấp.

Vào ngày 31/12/2000, cụ Trương Thị H5 lập văn bản nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất ở, sân vườn, ao cho vợ chồng chị H quản lý, sử dụng.

Thực hiện Nghị quyết 07/NQ-TƯ ngày 20/3/2002 của Trung ương Đảng về việc dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp tại Thái Bình: Trong hồ sơ, sổ sách còn lưu giữ tại địa phương thì gia đình chị H được chia 2 đất ao (đang có tranh chấp) tương đương 140m^2, gia đình ông Hoàng Đức V được chia là phần diện tích đất ao còn lại, tương đương 140m^2. Việc đo đạc, chia tách ao này được đại diện chính quyền thôn, xã (thời điểm năm 2002) trực tiếp thực hiện như ông T9 (địa chính), ông K2 (Trưởng thôn) đồng thời có sự tham gia, chứng kiến của bố chị H là ông Phạm Văn T3, chồn chị H là ông Trần Văn Th7, phía nguyên đơn có anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn Hg7 (cháu của cụ Phạm Văn B7).

Ngay sau khi đo đạc, vào khoảng năm 2003, để tránh việc sử dụng có tranh chấp, hai bên đã thỏa thuận thống nhất xây tường ngăn đôi cái ao (như hiện nay). Kể từ sau khi xây tường chia ao, hai bên tiếp tục sử dụng, ổn định, không có bất cứ ý kiến thắc mắc. Năm 2012, gia đình chị H tạm thời chuyển đến thành phố Hải Phòng để sinh sống và có nhờ ông Phạm Văn S6 cùng vợ là bà Hoàng Thị T0

trông nom nhà cửa, ao vườn trong thời gian chị H đi vắng. Sau khi các con trưởng thành ổn định công việc và gia đình, thời gian tới chị H sẽ quay về tiếp tục sinh sống trên thửa đất cha ông để lại, đó cũng là lý do vì sao chị H không cắt khẩu tại địa phương.

Khoảng giữa năm 2022, bà Phạm Thị T làm đơn ra UBND xã PT đề nghị giải quyết tranh chấp đất ao với gia đình chị H. Trong khi hòa giải, phát hiện việc Bản đồ 241 lập năm 1997 thể hiện cụ Phạm Văn B7 sử dụng toàn bộ 280m^2 đất ao tại thửa số 82, tờ bản đồ số 01 nên lấy danh nghĩa người thừa kế của ông B7, bà T và anh V để khởi kiện vụ án tại Tòa án.

Việc gia đình chị H trực tiếp quản lý và sử dụng, diện tích ao (thửa 131, diện tích 129,1m^2 - bản đồ VLAP năm 2013) gần 40 năm nay là phù hợp với các chính sách quản lý đất đai của Nhà nước theo từng thời kỳ, quá trình sử dụng là công khai, không có tranh chấp với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào, ngay cả gia đình cụ B7 (hiện anh V đang trực tiếp sử dụng) cũng chưa từng có ý kiến tranh chấp. Tường ngăn đôi ao xây dựng từ những năm 2003 đến nay đã 20 năm, hai gia đình sử dụng đều không có ý kiến gì. Bản đồ 241 lập năm 1997 chỉ là bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng, không phải là căn cứ xác định quyền sử dụng đất. Thêm vào đó, tại thời điểm đo đạc, gia đình chị H không có nhà nên việc kê khai của gia đình cụ B7 chỉ mang tính chủ quan. Do vậy phía bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày

- Bà Phạm Thị G, Phạm Thị B3, ông Hoàng Đức V và bà Quản Thị H4 nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị T.

- Cụ Trương Thị H5, ông Phạm Văn T3. ông Phạm Văn T4, ông Phạm Xuân Đg, bà Phạm Thị N3, bà Phạm Thị H5, chị Trần Thị Ngọc L5, anh Trần Hồng Q đều nhất trí với lời trình bày của bị đơn là bà H.

Người làm chứng: ông Phan Đăng K2, trú tại thôn TT, xã PT, huyện VT, tỉnh Thái Bình cung cấp:

Ông là trưởng thôn TT thời kỳ năm 1997 đến năm 2008. Trong thời gian đó thì năm 2003 địa phương thực hiện việc quy đổi đất theo Quyết định 648, 952 của UBND tỉnh Thái Bình. Việc quy đổi căn cứ theo khẩu của mỗi hộ gia đình. Ông là trưởng thôn chỉ tham gia ghi chép vào sổ ruộng đất để theo dõi quy đổi các loại đất ao, vườn, bãi về loại đất hai lúa. Ao đẹp thì 03m² ao = 01 m² ruộng, ao B7 thường thì 04m² ao = 01 m² ruộng, ao đang có tranh chấp giữa hai hộ là loại ao thường. Ông xác định ao đang có tranh chấp đã được quy đổi chia cho hai hộ gia đình. Đối với bức tường gạch xây ngăn cách giữa 02 ao thời gian nào và do ai xây thì ông không nắm rõ.

Kết quả xác minh tại UBND xã PT:

- UBND xã hiện nay đang quản lý bản đồ 299 và sổ mục kê đo đạc năm 1986; bản đồ 241 và sổ mục kê đo đạc năm 1997; bản đồ Vlap đo đạc năm 2013. Ngoài ra UBND xã không còn quản lý bản đồ nào khác.

- Theo hồ sơ địa chính UBND xã quản lý thì diện tích đất ao qua các thời kỳ đo đạc có biến động cụ thể như sau:

+ Tại bản đồ 299 là thửa số 288, bản đồ số 01, diện tích 295 m², loại đất ao đứng tên chủ sử dụng là Hợp tác xã.

+ Tại bản đồ 241 là thửa số 82 bản đồ số 01 diện tích 280 m², loại đất ao, đứng tên chủ sử dụng là ông Phạm Văn B7. Lý do tại sao thửa đất ao đứng tên ông B7 thì UBND xã không có tài liệu nào để cung cấp cho Tòa án.

+ Theo bản đồ Vlap 2013 thửa đất ao tách thành 02 thửa là thửa 179 diện tích 147,6 m², mang tên ông Hoàng Đức V và thửa 131 diện tích 129,1 m², mang tên bà Phạm Thị H, đều là loại đất ao.

- Trước năm 1986, UBND xã không có hồ sơ địa chính nào lưu để chứng minh về nguồn gốc đất đang tranh chấp, không có tài liệu nào thể hiện đất đứng tên cụ Ph và cụ H5.

- Hiện nay hộ gia đình bà H đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất ao có tranh chấp trên từ thời điểm năm 2002 khi UBND xã thực hiện quy đổi đất ruộng sang đất ao theo chủ trương của UBND tỉnh Thái Bình về việc chia đất nông nghiệp để dụng ổn định lâu dài. Từ trước năm 2002 thì hai bên sử dụng chung nhưng chưa chia tách như hiện nay (theo cung cấp của trưởng thôn tại thời kỳ đó là ông Phạm Đăng K2), còn xã không có tài liệu thể hiện trước năm 2002 ai là người trực tiếp sử dụng thửa đất ao trên.

- Về bức tường ngăn cách giữa 02 thửa ao: UBND xã không xác định được các hộ xây bờ ao năm nào và ai là người xây, chỉ biết là xây tường trước khi đo đạc bản đồ Vlap. Hiện trạng bản đồ Vlap thể hiện đúng như các bên đang quản lý, sử dụng trên thực tế.

- Về việc quy đổi đất nông nghiệp: Thực hiện Quyết định 652/QĐ và Quyết định 948/QĐ của UBND tỉnh Thái Bình, UBND xã PT thực hiện việc chia đất nông nghiệp cho các hộ dân trên địa bàn toàn xã. Hộ bà H có 05 khẩu chia theo Quyết định 652 và 04 khẩu chia theo Quyết định 948. Theo đó hộ bà H được quy đổi 35 m² đất ruộng ngoài đồng thành 140 m² đất ao theo tỉ lệ 1:4, chính là thửa 131 hiện nay bà H đang sử dụng. Hộ ông V có 05 khẩu chia theo 652 và 04 khẩu chia theo 948. Theo đó hộ ông V được quy đổi 35 m² đất ruộng ngoài đồng thành 140 m² đất ao theo tỉ lệ 1:4, chính là thửa 179 hiện nay ông V đang sử dụng.

Từ thời điểm quy đổi, hai gia đình sử dụng ổn định không có tranh chấp, khiếu nại gì, đến năm 2022 các bên phát sinh tranh chấp khi bà T đòi lại thửa đất

ao mà hộ bà H đang sử dụng. UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

- Hiện 02 thửa đất ao trên đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất ao có sự thay đổi qua các thời kỳ là do sai số trong quá trình đo đạc giữa đo máy với đo tay. Hộ ông V và bà H trong quá trình sử dụng đất không có sự tranh chấp mốc giới với các hộ liền kề.

- Các con của cụ B7 và cụ Nh2 gồm có bà G, bà Ng4, bà T, bà B7 và con nuôi là ông V. Bà Ng4 là liệt sỹ đã hi sinh. Bà B7 hiện nay đang sống bên Trung Quốc. Bà G, ông V hiện nay đang sinh sống tại địa phương. Bà T lấy chồng ở xã TP nhưng vẫn thường xuyên đi về địa phương nên đều biết việc chị H sử dụng đất ao.

Kết quả xem xét thẩm định, định giá

Thửa số 131 có diện tích là 129,1 m², xung quanh đã được xây bờ ao.

Thửa số 179 có diện tích là 146,7 m², xung quanh đã được xây bờ ao.

Giá đất là 126.000 đồng/m².

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình áp dụng Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 50 Luật đất đai 2003; Điều 99, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm là 129,1m^2 có vị trí từ giữa thửa đất 82, tờ bản đồ số 01, bản đồ 241 kéo dài đến hết thửa đất về hướng Tây Nam và yêu cầu chia di sản thừa kế phần đất trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/11/2023, nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn – bà Phạm Thị T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà với lý do: Toàn bộ ao là của bố bà và đã được thể hiện trên bản đồ địa chính.

Luật sư Phạm Hữu L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Trước năm 1986, không có tài liệu nào thể hiện cụ Ph và cụ H5 cùng đứng tên đối với thửa đất ao. Theo Bản đồ 241 thì thửa 82 tờ Bản đồ 01, diện tích ao đứng tên cụ Phạm Văn B7. Căn cứ vào Nghị định 64-CP, Quyết định 652 của UBND tỉnh Thái Bình, UBND xã đã giao cho cụ B7 280m^2 đất ao; Quyết định

948 của UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết những thiếu xót, tồn tại thì lẽ ra UBND xã PT chỉ giao thêm đất dư thừa nhưng UBND xã lại giao 1 nửa đất ao cho chị H là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm.

Luật sư Lê Thị Thúy H1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tại Biên bản xác minh tại UBND xã PT đã nêu rõ: Bản đồ 241 chỉ ghi nhận hiện trạng sử dụng đất; không có tài liệu nào thể hiện gia đình bà T đã được giao toàn bộ diện tích ao. Đối với Quyết định 948 năm 2002 là để thực hiện việc quy đổi diện tích đất do dân số tăng, việc UBND xã thực hiện quy đổi đất là đúng chủ trương của tỉnh. Thực tế gia đình bà H sử dụng ao từ năm 1986. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Đg sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – bà Phạm Thị T, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn là bà Phạm Thị T đảm bảo về thời hạn, đúng quy định về hình thức, nội dung theo các điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định về quan hệ tranh chấp, tư cách Đg sự, thẩm quyền giải quyết là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, phiên tòa được mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

* Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị H trả lại cho gia đình bà Phạm Thị T diện tích đất ao đang chiếm giữ trái phép là 129,1m^2 có vị trí từ giữa thửa đất 82, tờ bản đồ số 01, bản đồ 241 kéo dài đến hết thửa đất về hướng Tây Nam:

[4.1] Về nguồn gốc thửa đất ao đang tranh chấp:

Nguyên đơn - bà Phạm Thị T cho rằng: Nguồn gốc thửa đất ao là của bố, mẹ bà là cụ Phạm Văn B7 và cụ Trương Thị Nh2 để lại và được thể hiện trên Bản đồ 241 đo đạc năm 1997, phần diện tích đất ao đang có tranh chấp là một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ số 01 diện tích 280m², loại đất ao, đứng tên trong sổ mục kê là ông Phạm Văn B7. Bị đơn - chị Phạm Thị H cho rằng thửa đất ao này có nguồn gốc là của ông bà nội chị H là cụ Phạm Văn Ph và cụ Trương Thị H5 mua của cụ Phạm Văn Th8 từ năm 1948. Năm 1986, khi Nhà nước thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, kiểm kê đất đai và đăng K2 quyền sử dụng đất thì đất ao được tách ra cho Hợp tác xã quản lý nhưng gia đình chị H vẫn là người sử dụng thực tế. Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do UBND xã PT, cung cấp thể hiện: Trước năm 1986, UBND xã PT không có hồ sơ địa chính nào lưu trữ để chứng minh về nguồn gốc đất đang tranh chấp, không có tài liệu nào thể hiện đất đứng tên cụ Phiến hay cụ H5; tại Bản đồ 299 đo đạc năm 1986 thể hiện: Phần diện tích đất ao các bên đang có tranh chấp là một phần của thửa số 288, Bản đồ số 01, diện tích 295m², loại đất ao đứng tên chủ sử dụng là Hợp tác xã. Do đó, có căn cứ xác định nguồn gốc đất ao trước năm 1986 là của Hợp tác xã PT quản lý, không phải là của gia đình cụ B7, cụ Nh2 hay gia đình cụ Phiến, cụ H5.

[4.2] Về quá trình sử dụng:

[4.2.1] Về việc tại bản đồ 241 đo đạc năm 1997, phần diện tích đất ao các bên đang có tranh chấp là một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ số 01 diện tích 280m², loại đất ao, đứng tên trong sổ mục kê là ông Phạm Văn B7: Kết quả xác minh tại UBND xã PT thể hiện: "Lý do tại sao thửa đất ao đứng tên ông Phạm Văn B7 thì UBND xã không có tài liệu nào để cung cấp cho Tòa án". Theo chị H trình bày: thời điểm đo đạc Bản đồ 241 vào khoảng năm 1997, gia đình chị không có mặt tại địa phương nên không biết việc thửa đất ao trên chỉ đứng tên cụ B7. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy: Bản đồ 241 đo đạc năm 1997 chỉ là căn cứ xác định ai là người đang sử dụng đất, không phải là căn cứ xác định ai là người có quyền sử dụng đất.

[4.2.2] Ông Phạm Văn K2 (Trưởng thôn giai đoạn 1997 đến năm 2002), là người trực tiếp tham gia giúp UBND xã về việc điều chỉnh việc giao đất nông nghiệp ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân, trình bày: Việc dồn điền đổi thửa là thực hiện theo Quyết định 652/QĐ năm 1993 và Quyết định 948/QĐ năm 2000 của UBND tỉnh Thái Bình trong đó việc quy đổi phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn

ruộng, ao, vườn cho các hộ dân trong toàn xã. Theo đó hộ chị H và ông V đều có 05 khẩu chia theo 652 và 04 khẩu chia theo 948. Hộ chị H được quy đổi 35m² đất ruộng ngoài đồng thành 140m² đất ao theo tỉ lệ 1:4, chính là thửa 131 hiện nay chị H đang sử dụng. Hộ ông V được quy đổi 35m² đất ruộng ngoài đồng thành 140m² đất ao theo tỉ lệ 1:4, chính là thửa 179 hiện nay ông V đang sử dụng. Tổng diện tích đất nông nghiệp được ghi trong sổ giao ruộng của hộ bà H và hộ ông V đều phù hợp với thực tế được giao, trong đó bao gồm cả phần đất ao quy đổi. Sau khi nhận diện tích ao, các Đg sự đều thừa nhận cùng chung nhau xây tường ngăn ao, chị H xây bờ ao phía giáp đường và cạnh lối đi chung, ông V bà H8 xây bờ ao đối diện cạnh lối đi chung với diện tích ao được giao. Hai hộ gia đình sử dụng ổn định không có tranh chấp, khiếu nại gì từ năm 2002 đến năm 2022 mới phát sinh tranh chấp.

[4.2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định thửa đất số 131 theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2012 thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của hộ chị H. Yêu cầu khởi kiện của bà T đòi lại chị H thửa đất trên là không có căn cứ.

[5] Về yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Do không có căn cứ xác định thửa đất 82 tờ bản đồ số 01, bản đồ 241, diện tích 280m^2 đất ao, ao trên có nguồn gốc của cụ B7 và cụ Nh2 để lại. Mặt khác, toàn bộ thửa đất nay là thửa 130 và 131 loại đất ao đã được quy đổi đất ruộng cho hộ ông V và hộ chị H nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hai hộ. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của bà T là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Tổng hợp những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Phạm Thị T kháng cáo nhưng không xuất trình thêm tài, liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do bà Phạm Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, xử:

1. Bác kháng cáo của nguyên đơn là bà Phạm Thị T, giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS Thái Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Hùng **Nguyễn Ng4c H5** **Trần Xuân Thảo**